TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 01 năm 2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Vị

Ông Lê Thanh Sơn

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Công Lợi- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Khổng Thị Thanh H, sinh năm 1994 (có mặt)

HKTT: thôn C, xã S, tỉnh Phú Thọ

Nơi cư trú: thôn G, xã L, tỉnh Phú Thọ

-Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã S, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị Khổng Thị Thanh H trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn Tác ngày 05/02/2013 cưới có dược tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T nay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T cờ bạc rượu chè nên cuộc sống lâm vào tình trạng trầm trọng cuộc sống của chị và anh T không kéo dài được. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, hai

bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Bảo N, sinh ngày 07/01/2015, Trần Ngọc L, sinh ngày 30/8/2016, hiện hai con đang ở cùng anh T. Quá trình giải quyết chị xin nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại phiên tòa chị để anh T nuôi hai con và không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tác. Hiện chị làm công ty thu nhập bình quân 11.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Qua xác minh tại UBND xã S: Chị Khổng Thị Thanh H kết hôn với anh Trần Văn T ngày 05/02/2013 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Tổ chức xong chị H về làm ăn chung sống với gia đình anh T tại thôn C, xã S, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chị H, anh T chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được, chị H, anh T nhiều lần to tiếng, xô xát thôn phải can thiệp. Theo dư luận địa phương anh T thường xuyên rượu chè, chơi bời không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2025 cho đến nay chị H không chung sống với anh T nữa. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung Trần Bảo N, sinh ngày 07/01/2015, Trần Ngọc L, sinh ngày 30/8/2016, hiện hai con đang ở cùng anh T. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức địa phương không nắm được. Hiện nay anh T đang làm thợ xây tại địa phương, thu thập bình quân của thợ xây tại địa phương từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng. Chi phí nuôi một đứa trẻ học tiểu học ở địa phương từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ/tháng. Hiện nay anh Trần Văn T đang sinh sống làm việc và hàng ngày có mặt tại thôn Chiến T, xã S. Việc vì sao anh T không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án thì địa phương không nắm được. Nay chị H xin ly hôn anh T địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Khổng Thị Thanh H và anh Trần Văn T được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N, sinh ngày 07/01/2015, cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 30/8/2016, hiện hai con đang ở cùng anh T. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị H có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Khổng Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trần Văn T, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã S, tỉnh Phú Thọ. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Khổng Thị Thanh H và anh Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ).Theo chị H nguyên nhân do anh T cờ bạc rượu chè nên cuộc sống lâm vào tình trạng trầm trọng cuộc sống của chị và anh T không kéo dài được. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng của chị H và anh T đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, anh T chơi bời làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian nhưng không có biện pháp hàn gắn. Anh T biết việc chị H xin ly hôn anh, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần

nhưng đều vắng mặt, không đến làm việc thể hiện anh T không có mong muốn đoàn tụ để vợ chồng về chung sống. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Bảo N, sinh ngày 07/01/2015, Trần Ngọc L, sinh ngày 30/8/2016, hiện hai con đang ở cùng anh T. Quá trình giải quyết chị H xin nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại phiên tòa chị để anh T nuôi hai con và chị không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng hiện chị H và anh T đều có công ăn việc làm ổn định đều đảm bảo nuôi con, để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu N và cháu L đang ở cùng anh T, nguyện vọng của các cháu xin được ở với bố. Để tránh sáo chộn nên giao cho anh T nuôi hai con, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227,228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Khổng Thị Thanh H và anh Trần Văn T được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N, sinh ngày 07/01/2015, cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 30/8/2016, hiện hai con đang ở cùng anh T. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị H có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Khổng Thị Thanh H tự nguyện chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai thu tiền số 0003733 ngày 17/10/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị H nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11-Phú Thọ;
- Cơ quan THA tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- UBND xã Sông Lô;
- Lưu.